QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.— Nay chia một số xã của huyện Tây Sơn thuộc tỉnh Nghĩa Bình như sau:

Huyện Tây Sơn.

1. Chia xã Bình An thành ba xã lấy tên là xã Tây An, xã Tây Bình và xã Tây Vinh.

a) Xã Tây An có 1.083 hécta đất với 4.756 nhân khẩu.

Địa giới xã Tây An ở phía đông giáp huyện An Nhơn; phía tây giáp các xã Bình Hòa và Bình Thuận; phía nam giáp các xã Tây Bình và Tây Vinh; phía bắc giáp xã Bình Thuận.

b) Xã Tây Bình có 619 hécta đất với 6.352 nhân khẩu.

Địa giới xã Tây Bình ở phía đông giáp xã Tân Vĩnh; phía tây giáp xã Bình Hòa; phía nam giáp sông Kôn; phía bắc giáp xã Tây An.

c) Xã Tây Vinh có 611 hécta đất với 6.569 nhân khẩu.

Địa giới xã Tây Vinh ở phía đông giáp huyện An Nhơn; phía tây giáp xã Tây Bình; phía nam giáp sông Kôn; phía bắc giáp xã Tây An.

2. Chia xã Bình Phú thành hai xã lấy tên là xã Tây Xuân và xã Tây Phú.

a) Xã Tây Xuân có 2.720 hécta đất với 6.268 nhân khẩu.

Địa giới xã Tây Xuân ở phía đông giáp xã Bình Nghi; phía tây giáp xã Tây Phú; phía nam giáp huyện Vân Canh; phía bắc giáp sông Kôn.

b) Xã Tây Phú có 3.642 hécta đất với 8.634 nhân khẩu.

Địa giới xã Tây Phú ở phía đông giáp xã Tây Xuân; phía tây giáp xã Vĩnh An; phía nam giáp huyện Vân Canh; phía bắc giáp xã Bình Tường và thị trấn Phú Phong.

3. Chia xã Bình Giang thành hai xã lấy tên là xã Tây Thuận và xã Tây Giang:

a) Xã Tây Thuận có 5.129 nhân khẩu.

Địa giới xã Tây Thuận ở phía đông và phía nam giáp xã Tây Giang; phía tây giáp tỉnh Gia Lai — Kon Tum; phía bắc giáp huyện Vĩnh Thạnh.

b) Xã Tây Giang có 8.358 nhân khẩu.

Địa giới xã Tây Giang ở phía đông giáp các xã Bình Thành và Bình Tường; phía tây giáp xã Tây Thuận; phía nam giáp các xã Bình Tường và Vĩnh An; phía bắc giáp xã Bình Tân.

Điều 2. — Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghĩa Bình và Ban Tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thừa ủy quyền của Hội đồng Bộ trưởng
Bộ trưởng Tổng thư ký
ĐOÀN TRỌNG TRUYẾN

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 33c-HĐBT ngày 14-2-1987 về việc phân vạch địa giới hành chính một số xã, thị trấn của các huyện An Hải, Đồ Sơn và Tiên Lãng thuộc thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điều 107 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 18-12-1980;

Căn cứ điều 16 của Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Quyết định số 214-CP của Hội đồng Chính phủ ngày 21-11-1970;

Căn cứ Quyết định số 64b-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 12-9-1981;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653953

Xét đề nghị của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng và Ban Tổ chức của chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay điều chỉnh địa giới hành chính một số xã, thị trấn của các huyện An Hải, Đồ Sơn và Tiên Lãng thuộc thành phố Hải Phòng như sau:

A. Huyện An Hải.

1. Thành lập thị trấn An Dương (thị trấn huyện lỵ huyện An Hải) trên cơ sở 94,67 hécta đất với 5.068 nhân khẩu của xã Lê Lợi; 60,48 hécta đất với 897 nhân khẩu của xã Đồng Tâm; 12,41 hécta đất với 217 nhân khẩu của xã Đồng Thái và 24,96 hécta đất với 412 nhân khẩu của xã Nam Sơn.

Thị Trấn An Dương có 192,51 hécta đất với 6.612 nhân khẩu.

Địa giới thị trấn An Dương ở phía đông giáp các xã Đồng Tâm và Đồng Thái; phía tây giáp các xã Lê Lợi và Đặng Cương; phía nam giáp các xã Đồng Thái và Đặng Cương; phía bắc giáp xã Nam Sơn.

— Xã Lê Lợi còn 567,27 hécta đất với 3.770 nhân khẩu.

Địa giới xã Lê Lợi ở phía đông giáp thị trấn An Dương; phía tây giáp xã Hồng Phong; phía nam giáp xã Đặng Cương và sông Lạch Tray; phía bắc giáp xã Bắc Sơn.

— Xã Đồng Thái còn 493,69 hécta đất với 5.646 nhân khẩu.

Địa giới xã Đồng Thái ở phía đông giáp xã Đồng Tiến; phía tây giáp xã Đặng Cương; phía nam giáp xã Hồng Thái và sông Lạch Tray; phía bắc giáp xã An Đồng và thị trấn An Dương.

— Xã Nam Sơn còn 452,91 hécta đất với 3.947 nhân khẩu.

Địa giới xã Nam Sơn ở phía đông giáp xã Hùng Vương; phía tây giáp xã Bắc Sơn; phía nam giáp thị trấn An Dương; phía bắc giáp thị trấn Quán Toan.

2. Sáp nhập xã Đồng Tâm và xã Đồng Tiến thành 1 xã lấy tên là xã An Đồng.

Xã An Đồng có 633 hécta với 6.184 nhân khẩu.

Địa giới xã An Đồng ở phía đông giáp quận Lê Chân; phía tây giáp thị trấn An Dương; phía nam giáp xã Đồng Thái; phía bắc giáp xã Hùng Vương.

B. Huyện Đồ Sơn.

Thành lập thị trấn Núi Đối (thị trấn huyện lỵ huyện Đồ Sơn) trên cơ sở 41,5 hécta đất của xã Minh Tân và 117,9 hécta đất với 1.131 nhân khẩu của xã Thanh Sơn cùng 4.351 nhân khẩu là cán bộ, công nhân viên Nhà nước của các cơ quan đóng trên địa bàn này.

Địa giới thị trấn Núi Đối ở phía đông giáp xã Minh Tân; phía tây và phía nam giáp xã Thanh Sơn; phía bắc giáp các xã Đại Đồng và Hữu Bằng.

— Xã Minh Tân còn 675 hécta đất với 5.854 nhân khẩu.

Địa giới xã Minh Tân ở phía đông giáp xã Hòa Nghĩa; phía tây giáp thị trấn Núi Đối; phía nam giáp xã Tân Phong; phía bắc giáp xã Đại Đồng.

— Xã Thanh Sơn còn 306,5 hécta đất với 4.924 nhân khẩu.

Địa giới xã Thanh Sơn ở phía đông giáp thị trấn Núi Đối; phía tây giáp xã Thụy Hương; phía nam giáp các xã Đại Hà và Ngũ Đoan; phía bắc giáp xã Hữu Bằng.

C. Huyện Tiên Lãng.

Giải thể xã Minh Đức để thành lập thị trấn Tiên Lãng (thị trấn huyện lỵ huyện Tiên Lãng).

Thị trấn Tiên Lãng có 623 hécta đất với 12.124 nhân khẩu.

Địa giới thị trấn Tiên Lãng ở phía đông giáp sông Văn Úc; phía tây giáp xã Tiến

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Thành; phía nam giáp các xã Quang Phục và Bạch Đằng; phía bắc giáp xã Quyết Tiến.

Điều 2. — Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng và Ban Tổ chức của Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thừa ủy quyền của Hội đồng Bộ trưởng
Bộ trưởng Tổng thư ký
ĐOÀN TRỌNG TRUYẾN

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ của Bộ Tài chính số 10-TC/CĐKT ngày 7-2-1987 quy định những điểm sửa đổi, bổ sung về kế toán để thi hành Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở.

Tiếp theo các thông tư hướng dẫn về chế độ tài chính đối với các đơn vị kinh tế cơ sở, thông tư này quy định những điểm sửa đổi, bổ sung về kế toán để thi hành Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng như sau:

I. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Ngoài những điểm đã quy định tại Thông tư liên Bộ Tài chính — Tổng cục Thống kê số 43-LB/TT ngày 29-11-1986 về kế toán xử lý kết quả tổng kiểm kê và đánh giá lại tài sản cố định, các đơn vị xí nghiệp phải thực hiện các điểm sau đây:

Trường hợp tài sản cố định đã khấu hao cơ bản hết, nhưng vẫn được sử dụng trong sản xuất, kinh doanh thì xí nghiệp phải xác định lại giá trị còn sử dụng được của tài sản cố định để tiếp tục trích khấu hao tính vào giá thành sản phẩm. Khoản trích khấu hao cơ bản của những tài sản cố định này được đưa vào quỹ khuyến khích phát triển sản xuất của xí nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 86 — Vốn khấu hao (86.1 — Vốn khấu hao cơ bản).

Có TK 87 — Các quỹ của xí nghiệp (87.1 — Quỹ khuyến khích phát triển sản xuất).

Khi chuyển tiền gửi Ngân hàng, ghi:

Nợ TK 55 — Các khoản tiền gửi Ngân hàng khác (55.5 — Tiền gửi Ngân hàng về các quỹ xí nghiệp).

Có TK 51 — Tiền gửi Ngân hàng.

Vốn khấu hao sửa chữa lớn sử dụng theo chế độ hiện hành.

2. Trường hợp tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, không sử dụng được nữa do nguyên nhân chủ quan, xí nghiệp phải làm thủ tục thanh lý, ghi giảm giá trị tài sản cố định và vốn cố định theo chế độ hiện hành. Khoản thiệt hại do tài sản cố định hư hỏng trước thời hạn gây ra, nếu là tài sản cố định đầu tư bằng vốn tín dụng thì xí nghiệp phải dùng quỹ khuyến khích phát triển sản xuất để trả nợ Ngân hàng số tiền vay chưa trả hết, kế toán ghi:

Nợ TK 87 — Các quỹ của xí nghiệp (87.1 — quỹ khuyến khích phát triển sản xuất).

Có TK 72 — Thanh toán tiền vay Ngân hàng về xây dựng cơ bản bằng lợi nhuận và các nguồn vốn khác.

Khi trả nợ Ngân hàng kế toán ghi:

Nợ TK 94 — Vay dài hạn Ngân hàng.

Có TK 55 — Các khoản tiền gửi Ngân hàng khác (55.5 — Tiền gửi Ngân hàng về các quỹ xí nghiệp).

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com